

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 30 - 5 - 2023.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái.

Bà Đoàn Thị Diệu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trục Ninh tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xét xử, Toà án nhân dân huyện Trục Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chu Mỹ N, sinh năm 1986. Trú tại: 42/93/181 P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký HKTT: 42/93/181 P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Hiện trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Chu Mỹ N trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Văn B ngày 02 tháng 11 năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Năm 2017, anh B và con gái chuyển về quê sống với bố mẹ tại xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, chị xin ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Ngọc M, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012. Hiện nay cháu M đang học lớp 5A trường tiểu học xã T, sống cùng anh B và ông bà nội. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Trường hợp anh B nhận nuôi dưỡng cháu M, chị cũng đồng ý. Chị nhận cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, anh B không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Ngày 21 tháng 02 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh đã kết hợp với chính quyền địa phương đến tận nơi anh B đang cư trú để tiến hành lấy lời khai của anh B. Tại gia đình ông Trần Hồng V, bà Trần Thị Hồng L (là bố mẹ đẻ anh B), nơi anh B ở nhà. Tòa án đã giải thích pháp luật, thông báo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn của chị N, đề nghị anh viết bản tự khai hoặc trình bày lời khai về quan điểm giải quyết vụ án nhưng anh B không đồng ý, không trình bày quan điểm. Theo bà L (mẹ đẻ anh B) cho biết: anh B và chị N kết hôn năm 2011, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị bà không biết. Anh chị có 01 con chung là Trần Ngọc M, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012, cháu M sống cùng ông bà từ khi 20 tháng tuổi, hiện nay đang học trường tiểu học xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Lý do anh B không lên Tòa làm việc do bức xúc về việc chị N xin ly hôn anh. Bà L đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, lấy lời khai của cháu Trần Ngọc M tại trường Tiểu học xã T, huyện T, tỉnh Nam Định nơi cháu Trần Ngọc M đang học.

Bà Hoàng Thị H, giáo viên chủ nhiệm lớp 5A trường tiểu học T cung cấp nội dung: Học sinh Trần Ngọc M sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012 là con anh Trần Văn B và chị Chu Mỹ N, đang học lớp 5A trường tiểu học T. Quá trình làm việc với cháu M, anh B cũng có mặt nhưng không đồng ý để Tòa án ghi ý kiến nguyện vọng của cháu M. Anh B đề nghị chị N về gia đình để giải quyết vấn đề tài sản, kinh tế rõ ràng sau đó anh sẽ có quan điểm về việc giải quyết ly hôn.

Tại phiên tòa: Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh B được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để giải quyết, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn

theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Tòa án hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa chị N anh B đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Chu Mỹ N.

Về con chung: Giao cho anh B có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc M, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc nhận cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết vì vậy đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí ly hôn: Chị N phải nộp theo quy định pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng: Chị N phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh B vắng mặt lần 2 không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N anh B là đúng theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Chu Mỹ N và anh Trần Văn B kết hôn ngày 02 tháng 11 năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2017, anh B đưa cháu Trần Ngọc M về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N, anh B đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có con chung là Trần Ngọc M sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012. Hiện nay cháu M đang sống chung với anh B và ông bà nội.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung, HĐXX xét thấy: Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung nhưng nếu anh B nhận

nuôi thì chị cũng đồng ý. Xét thấy cháu Trần Ngọc M sống với anh B và ông bà nội từ bé, hiện nay cháu đang học lớp 5A trường tiểu học T, huyện T, tỉnh Nam Định. Mặc dù anh B không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung nhưng để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng, ổn định học tập đối với con chung, HĐXX thấy cần giao cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc M là phù hợp với quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh B theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị N không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị Chu Mỹ N phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí cấp dưỡng: Chị Chu Mỹ N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Chu Mỹ N và anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao anh Trần Văn B có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc M sinh ngày 26 tháng 9 năm 2012.

Chị Chu Mỹ N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh B, mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 6 năm 2023 đến khi con chung trưởng thành tự lập.

Chị Chu Mỹ N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí:

3.1. Án phí ly hôn: Chị Chu Mỹ N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002147 ngày 09/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị N phải nộp. Chị N đã nộp xong án phí ly hôn dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí cấp dưỡng: Chị Chu Mỹ N phải nộp 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Anh Trần Văn B, chị Chu Mỹ N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã/phường/thị trấn;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng